

Bản án số 02 /2021/DS-ST

Ngày 08.01.2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Công Chi**

2. Ông Trịnh Văn Bạo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận L3, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu Chiểu tham gia phiên
tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (T) – Sinh năm: 1970. Địa chỉ: Thôn A, xã Hòa L, huyện H, TP. Đà Nẵng, (*Có mặt*).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Quỳnh L1 – Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Đường B, tổ 18, phường H1, quận L3, Tp Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2014, do là hàng xóm, bà L có cho bà Đoàn Thị Quỳnh L1 nhiều lần vay tiền để bà L1 làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Bà L đã nhiều lần giao tiền cho bà L1 với tổng số tiền 440.000.000 đồng. Năm 2016, bà L1 trả được 2.000.000 đồng, đến tháng 4/2019, bà L1 qua nhà trả được 10.000.000 đồng. Như vậy, bà L1 còn nợ 428.000.000 đồng. Bà L1 nhiều lần viết giấy vay tiền cho bà L nhưng có lần viết giấy vay tiền cuối cùng tại Công an huyện H là tính gộp lại của tất cả các

lần vay tiền. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L1 trả tiền còn nợ nhưng bà L1 vẫn không chịu trả nên bà L yêu cầu bà L1 phải trả cho bà L số tiền còn nợ là 428.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà L có yêu cầu bà L1 phải chịu tiền lãi nhưng trong các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút yêu cầu về tiền lãi đối với bà L1.

** Tại phiên tòa, bị đơn – bà Đoàn Thị Quỳnh L1 vắng mặt, và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị Quỳnh L1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L3 phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan chỉ có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tham gia các phiên hòa giải, giao nộp chứng cứ và các phiên tòa là thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73, 234 BLTTDS

- Về nội dung vụ án: Bà L đã nhiều lần cho bà L1 vay tiền. Mặc dù không có thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng trong quá trình cho vay tiền, bà L đã yêu cầu Cơ quan CSĐT – Công an huyện H giải quyết việc vay mượn tiền này. Việc này được xem là bà L đã thông báo cho bà L1 đã đến hạn trả nợ. Từ tháng 9/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện H đã giải quyết vụ việc nhưng đến nay bà L1 vẫn không trả được nợ nên bà L yêu cầu bà L1 phải trả 428.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 465, 469 BLDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do bà L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã H2, huyện H, Tp Đà Nẵng nên bà L khởi kiện bà L1 tại TAND huyện H. Trong quá trình giải quyết vụ án, đã phát hiện bà L1 đã về sinh sống tại tổ 18, phường H1, quận L3, Tp Đà Nẵng nên TAND huyện H đã chuyển vụ án này về TAND quận L3 để giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, TAND quận L3 đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà L1 đều vắng mặt, không có lý (Bà L1 đã trực tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án) nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bà L1. Ngoài ra, bà L là người tàn tật (Có giấy xác nhận khuyết tật) thuộc diện được Trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L không yêu cầu Trợ giúp viên pháp lý trợ giúp pháp lý cho mình nên HĐXX không xem xét vấn đề này, chỉ xem xét cho bà L được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Về nội dung: Bà L và bà L1 có quan hệ hàng xóm. Bà L1 có nhu cầu cần tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nên đã L hệ với bà L để vay tiền. Bà L nhiều lần cho bà L1 mượn tiền. Thời gian bắt đầu cho vay tiền từ tháng 11/2014, có mượn và có trả. Sau đó, do bà L1 đã đi khỏi nơi cư trú nên bà L đã làm đơn tố cáo bà L1 ra Công an huyện H để giải quyết về hành vi vi phạm pháp luật. Công an huyện H đã có Thông báo số 1322/TB – CQCSĐT ngày 17/9/2019 về việc không khởi tố vụ án. Tại Công an huyện H, bà L1 đã chốt lại số nợ còn phải trả cho bà L là 428.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L1 trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để có mặt tham gia các phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà L1 đều không chấp hành triệu tập của Tòa án, có mặt tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (nếu có) của mình. Như vậy, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 BLDS.

Do bà L rút đổi với yêu cầu bà L1 phải trả tiền lãi như trong đơn khởi kiện nên HĐXX không xem xét.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – bà Đoàn Thị Quỳnh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.400.000đ (*Hai mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (T) đối với bà Đoàn Thị Quỳnh L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Đoàn Thị Quỳnh L1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 428.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 21.400.000đ (*Hai mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng*) bà Đoàn Thị Quỳnh L1 phải chịu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.L3;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Hữu Vinh

